

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 3 và 3 tháng năm 2014

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP) 3 tháng (quý I/2014) đạt 184.316 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 7,7% so với quý I/2013 (quý I/2013 tăng 7,6%). Khu vực dịch vụ tăng 8,8%, đóng góp 5,16 điểm phần trăm trong mức tăng trưởng; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,1% (công nghiệp tăng 6,2%, xây dựng 5,4%), đóng góp 2,51 điểm phần trăm; khu vực nông lâm thủy sản tăng 5%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GDP)

	Trị giá quý I/2014 (Giá thực tế - tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tốc độ phát triển quý I (%)	
			2013 với 2012	2014 với 2013
Tổng số	184.316	100,0	107,6	107,7
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Khu vực nông, lâm, thủy sản	1.446	0,8	104,8	105,0
Khu vực công nghiệp và xây dựng	71.452	38,8	106,8	106,1
Công nghiệp	64.201	34,9	107,2	106,2
Xây dựng	7.251	3,9	104,0	105,4
Khu vực dịch vụ	111.418	60,4	108,3	108,8
Thương nghiệp	26.631	14,5	104,7	107,2
Khách sạn nhà hàng	7.129	3,9	116,4	107,0
Vận tải	15.844	8,6	106,5	114,6
Các ngành khác	61.814	33,5	109,5	108,5

Khu vực nông, lâm, thủy sản 1.446 tỷ đồng chiếm 0,8% và tăng 5% (quý I/2013 tăng 4,8%); khu vực công nghiệp - xây dựng 71.452 tỷ đồng chiếm 38,8%, tăng 6,1% (quý I/2013 tăng 6,8%); khu vực dịch vụ 111.418 tỷ đồng, chiếm 60,4%, tăng 8,8% (quý I/2013 tăng 8,3%). Trong đó: ngành vận tải tăng 14,6%, ngành thương mại tăng 7,2%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 7%.

I. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3 tăng 13,2% so tháng trước. Đây là tháng có tốc độ tăng khá cao trong quý I, một phần nguyên nhân do tháng trước nghỉ tết, số ngày làm việc giảm. Một số ngành tiếp tục có mức tăng khá cao so tháng trước: sản xuất thuốc lá (+67,1%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+48,2); bê tông (+153,4%); kim loại (+42,8%); thiết bị điện (+37,5%); in (+29,8%); hóa chất (+23,6%); thực phẩm

(+21,3%) trong đó sữa (+21,0%); dệt (+20,8%); giường tủ bàn ghế (+18,0%); cao su và plastic (+17,7%); thuốc (+10,6%); trang phục (9,3%)... Một vài ngành giảm: ô tô (-3,4%); máy móc thiết bị (-9,0%).

So với tháng 3/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 2,8%.

Chỉ số công nghiệp 3 tháng đầu năm ước tăng 4,9% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm 26,1%; công nghiệp chế biến tăng 4,9%; sản xuất phân phối điện tăng 4,5%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 12,3%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 3 so với tháng 2	3 tháng so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	13,2	104,9
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	102,0	73,9
2. Công nghiệp chế biến	113,4	104,9
3. SX và phân phối điện	119,5	104,5
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	100,1	112,3
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	121,3	101,6
2. Sản xuất đồ uống	102,1	101,3
3. Sản xuất trang phục	109,3	111,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	107,7	112,5
5. SX hóa chất và SP hóa chất	123,6	90,0
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	117,7	100,9
7. SP. từ khoáng phi kim loại	148,2	94,1
8. Sản xuất SP điện tử	106,5	100,3
9. Sản xuất thiết bị điện	137,5	112,9
10. Sản xuất xe có động cơ	96,6	155,1

Có 19/26 ngành (ngành cấp 2) tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó một số ngành có tỷ trọng tăng khá như: xe có động cơ, phương tiện vận tải khác, thu gom rác, sản xuất kim loại, giấy, công nghiệp chế biến chế tạo khác, thiết bị điện, da giày, trang phục, xử lý ô nhiễm có mức tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành. Các ngành giảm gồm: sản xuất kim loại (-46,5%); khai khoáng (-26,1%); máy móc thiết bị (-22,1%); hóa chất (-10%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-5,9%) và dệt (-4,2%).

Xét theo sản phẩm: 3 tháng đầu năm một số sản phẩm sản xuất tăng trên 10% như: cầu kiện kim loại (+93,5%); xe có động cơ (+63,9%); mô tô xe máy (+51,7%); phụ tùng xe (+34%); xe đạp (+27,6%); dây cáp (+20,2%); giày dép (+14,9%); thuốc trừ sâu (13,3%); trang phục (+11,8%);... Một số sản phẩm tăng nhẹ: giấy nhãn (+3,9%); sản phẩm từ thịt (+3,1%); thủy sản (+2,2%); xà phòng (2,1%); sữa (+1,3%); bia (+1,3%). Các sản phẩm giảm so với cùng kỳ: vật liệu xây dựng (-52,0%); sắt thép (-46,5%); phân bón (-39,3%); các đá sỏi (-26,1%); valy túi xách (-12,0); thuốc (-5,6%).

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: tháng 3 ước tăng 11,7% so tháng 2; tăng 3,5% so với tháng cùng kỳ; cộng dồn 3 tháng tăng 4,3% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng chung toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng 1,5%; hóa dược cao su giảm 0,4%; điện tử tăng 0,3%; cơ khí chế tạo tăng 21,0%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành tại thời điểm 01/3 tăng 8,1% so thời điểm 01/02. Tình hình tồn kho tháng này tăng khá cao do có một số ngành có mức tồn kho cao như: sản xuất thực phẩm chế biến (+64,0%), trong đó: sữa (+76,7%), thủy sản (+78,3%); kim loại (+13,4%); giấy (+12,5%); cao su và plastic (+11,6%); in (+11,5%); điện tử (+10,8%); giường tủ bàn ghế (+10,8%)... Một số ngành tháng này tồn kho giảm so với tháng trước: phương tiện vận tải khác (-71,1%); đồ uống (-17,2%); xe có động cơ (-16,0%); hóa chất (-7,4%); dệt (-5,1%); thuốc (-4,6%) và thiết bị điện (-0,8%).

II. XÂY DỰNG

Giá trị sản xuất xây dựng quý I trên địa bàn thành phố theo giá thực tế ước thực hiện 29.163,9 tỷ đồng, giảm 39,8% so quý IV/2013. Nhìn chung, theo đúng quy luật mùa vụ của ngành giá trị sản xuất xây dựng quý I của các khu vực đều giảm so với quý trước. Trong đó: kinh tế nhà nước (-39%); kinh tế ngoài nhà nước (-41,1%) và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (-24,7%). Tuy nhiên so quý I/2013 tăng 6,9%, trong đó kinh tế nhà nước tăng 5%; tư nhân tăng 7,2%; đầu tư nước ngoài tăng 6%.

Giá trị sản xuất xây dựng quý I trên địa bàn thành phố theo giá so sánh ước thực hiện 24.102,4 tỷ đồng, giảm 40,6% so quý IV/2013, trong đó giá trị sản xuất xây dựng của khu vực kinh tế nhà nước giảm 39,8%; kinh tế ngoài nhà nước giảm 41,8% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giảm 25,7%. So quý I/2013 tăng 5,4% trong đó khu vực nhà nước tăng 3,5%; khu vực tư nhân tăng 5,7%; đầu tư nước ngoài tăng 4,5%.

III. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I ước đạt 2.978,9 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 5% so với quý I/2013 (giá trị sản xuất nông nghiệp theo giá cố định năm 1994 đạt 815,3 tỷ đồng, tăng 5,4% so với năm trước). Trong đó sản xuất nông nghiệp chiếm 81,1%, tăng 3,7%; lâm nghiệp tăng 2,7%; thủy sản chiếm 17,7%, tăng 11,6%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2014

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010	
	Trị giá (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Trị giá (tỷ đồng)	% so sánh với cùng kỳ 2013
Tổng số	2.978,9	100,0	2.299,9	105,0
Nông nghiệp	2.416,4	81,1	1.887,6	103,7
Trồng trọt	966,1	32,4	761,6	103,7
Chăn nuôi	1.187,2	39,9	962,7	103,8
Dịch vụ	263,1	8,8	163,3	103,9
Lâm nghiệp	37,0	1,2	22,2	102,7
Thủy sản	525,5	17,6	390,1	111,6

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 2.416,4 tỷ đồng (theo giá thực tế), tăng 3,7%; trong đó trồng trọt 966,1 tỷ đồng, tăng 3,7%; chăn nuôi 1.187,2 tỷ đồng, tăng 3,8%.

1.1. Trồng trọt:

Vụ đông xuân: Lúa đã gieo trồng 4.712 ha, giảm 11,4% (huyện Cù Chi chiếm 79%). Diện tích bắp 411,6 ha, tăng 5,7%; đậu phộng 116 ha, tăng 6,4%; rau các loại 5.796 ha, tăng 1,7% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng: đã có 204 ha lúa nhiễm rầy nâu nhưng ở mức độ nhẹ; đồng thời chuột sinh sản nhanh có khả năng gây hại trên lúa hè thu tới.

1.2. Chăn nuôi:

Chăn nuôi gặp khó khăn về thời tiết diễn biến bất thường, chênh lệch cao giữa nhiệt độ ngày đêm, đồng thời dịch bệnh trên gia súc, gia cầm ở một số tỉnh có dấu hiệu tái phát. Chi cục Thú y thành phố đã tăng cường kiểm tra, giám sát các điểm giết mổ, ngăn chặn các trường hợp kinh doanh, vận chuyển gia súc, gia cầm trái phép... đến nay tình hình đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tương đối ổn định.

2. Lâm nghiệp: Giá trị sản xuất lâm nghiệp quý I đạt 37 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: khai thác chiếm 96,6%, tăng 2,6%; trồng nuôi rừng tăng 4,7%.

3. Thủy sản

Giá trị sản xuất thủy sản quý I đạt 525,5 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 11,6% so với cùng kỳ; trong đó nuôi trồng chiếm 73,8%, tăng 12,1%, khai thác chiếm 23,5%, tăng 15,5%.

Sản lượng thủy sản quý I ước đạt 10.978 tấn, tăng 16,6%. Sản lượng nuôi trồng 5.502,5 tấn, tăng 12,6% (tôm chiếm 32,9%, tăng 7,7% so với cùng kỳ); khai thác 5.475,1 tấn, tăng 21%, trong đó sản lượng cá chiếm 64,8%, tăng 6,4%.

Tình hình thả nuôi tôm: tính đến ngày 7/3, đã có 302 lượt hộ thả nuôi tôm sú giống với 31,6 triệu con trên diện tích 2.834,8 ha. Tôm thẻ chân trắng có 407 lượt hộ thả nuôi với 187,7 triệu con trên diện tích 326,9 ha.

Dịch bệnh trên tôm: đã có 106 hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 76,7 ha, làm thiệt hại 41,6 triệu con giống; trong đó có 70 hộ với 51,1 ha được xử lý dập bệnh bằng thuốc của Quỹ phòng ngừa dịch bệnh, số còn lại hộ tự xử lý.

IV. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn quý 1 ước thực hiện 15.570 tỷ đồng, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước (quý 1/2013 tăng 5%).

Trong đó: Vốn từ ngân sách thành phố là 2.049,1 tỷ đồng, chỉ bằng 85,3% so với cùng kỳ (quý 1/2013 tăng 2,3%) do năm nay kế hoạch vốn giao chậm. Cấp thành phố ước thực hiện 786,2 tỷ đồng, chiếm 38,9%; cấp quận huyện ước thực hiện 1.232,9 tỷ đồng, chiếm 61,1%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện quý 1/2014 (tỷ đồng)	So với quý I/2013 (%)
Tổng vốn đầu tư	2.049,1	85,3
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	131,9	75,6
Cấp thành phố	786,2	68,1
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	91,1	149,8
Cấp quận huyện	1.232,9	98,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	40,8	36,0

Trong tháng, Thành phố đã giao cho các Sở, cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các chủ đầu tư chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2014 (đợt 1) gồm nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn vốn xổ số kiến thiết và vốn viện trợ phát triển (ODA), với tổng số vốn 14.503,589 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất – Bình Lợi: Tiếp tục đền bù ở Quận Tân Bình và các hộ còn lại ở Quận Thủ Đức.
- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây, hiện đang thi công đoạn đầu ở quận 2 nối với đại lộ Đông.
- Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: đang thi công nền móng và hạ tầng đoạn từ quận 2 đến quận Thủ Đức.

Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 2, toàn thành phố đã cấp 5.319 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 952,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 5.165 giấy phép, với diện tích 936,9 ngàn m² và 154 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 15,2 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 5,2% về giấy phép (tăng 264 giấy phép) và tăng 5,8% về diện tích (tăng 52,4 ngàn m²).

3. Tình hình cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/3, đã có 71 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với vốn đăng ký đạt 687,7 triệu USD (vốn điều lệ 474,2 triệu USD). Vốn đầu tư bình quân mỗi dự án đạt 9,7 triệu USD.

Chia theo hình thức: 100% vốn nước ngoài 46 dự án, vốn đầu tư đạt 235,3 triệu USD; liên doanh 25 dự án, vốn đầu tư 452,4 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực: công nghiệp 15 dự án, vốn đầu tư 223,7 triệu USD (chiếm 32,5% tổng vốn đăng ký); thương nghiệp 15 dự án, vốn đầu tư 21,3 triệu USD (chiếm 3%); hoạt động kinh doanh bất động sản 3 dự án, vốn đầu tư 302,3 triệu USD (chiếm 43,9%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 13 dự án, vốn đầu tư 131,3 triệu USD (chiếm 19,1%); dịch vụ lưu trú và ăn uống 1 dự án, vốn đầu tư 1,7 triệu USD; vận tải kho bãi 5 dự án, vốn đầu tư 1,9 triệu USD;...

Chia theo đối tác: có 18 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại thành phố. Dẫn đầu về vốn, Singapore 9 dự án, vốn đầu tư 216,7 triệu USD, chiếm 31,5% vốn đăng ký; Hồng Kông 6 dự án, vốn đầu tư 202,2 triệu USD (chiếm 29,4%); British Virgin Island 3 dự án, vốn đầu tư 145,7 triệu USD (chiếm 21,2%); Samoa 1 dự án, vốn đầu tư 50 triệu USD (chiếm 7,3%); Nhật Bản 17 dự án, vốn đầu tư 31,6 triệu USD; Hàn Quốc 9 dự án, vốn đầu tư 14,9 triệu USD;...

Có 24 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư, số vốn tăng 61,7 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp mới và điều chỉnh đến ngày 15/3 đạt 749,4 triệu USD (cùng kỳ năm trước 134,8 triệu USD). Giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển đi tỉnh thành khác và rút phép trước hạn có 5 dự án, vốn đầu tư 67,1 triệu USD.

Một số dự án lớn được cấp phép đến ngày 15/3:

- Dự án Khu chung cư tại phường 22 – Quận Bình Thạnh của Công ty TNHH Bay Water, Hồng Kông với mục tiêu xây dựng khu căn hộ để ở và kết hợp trung tâm thương mại, vốn đăng ký 200,1 triệu USD.
- Dự án công ty TNHH Worldon của British Virgin Island với vốn đăng ký 140 triệu USD, mục tiêu sản xuất sản phẩm may mặc cao cấp.
- Dự án công ty cổ phần Masan Agri, Singapore với vốn đăng ký 102,9 triệu USD, dịch vụ nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý.
- Dự án công ty TNHH Villa Arcadia với vốn đăng ký 102 triệu USD do nhà đầu tư Singapore đầu tư với mục tiêu đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán và cho thuê.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/3 đã có 4.637 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 6,2% so cùng kỳ; trong đó có 198 doanh nghiệp tư nhân; 491 công ty cổ phần; 3.948 công ty TNHH. Trong đó khu vực nông lâm thủy sản 25 doanh nghiệp; khu vực công nghiệp xây dựng 1.097 doanh nghiệp và khu vực thương mại dịch vụ 3.515 (chiếm 75,8%)

Tổng vốn đăng ký đạt 23.483 tỷ đồng tăng 41,7% so cùng kỳ, trong đó khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 26,7%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm 68,5%.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 2 tháng đầu năm có 4.164 doanh nghiệp ngừng hoạt động, bằng 91% so số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mới mã số thuế là

3.486 và doanh nghiệp tái hoạt động là 1.089), tăng 19,1% so 2 tháng đầu năm 2013. Trong đó có 26 doanh nghiệp thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, 3.301 công ty TNHH, 509 công ty cổ phần và 319 doanh nghiệp tư nhân.

V. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ

1. Nội thương

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố trong tháng 3 ước đạt 49.778 tỷ đồng, tăng 15,2% so với tháng trước, tăng 12,6% so với cùng kỳ.

Ước tính quý I/2014, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 152.656 tỷ đồng, tăng 12,1% so với quý I/2013.

Chia theo thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước 23.253 tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng 23,2%. Kinh tế ngoài nhà nước 122.078 tỷ đồng, chiếm 80%, tăng 10,2%; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 7.325 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 12,4%.

Chia theo ngành kinh tế: Thương nghiệp 120.787 tỷ đồng, chiếm 79,1%, tăng 12,4%. Khách sạn, nhà hàng 17.371 tỷ đồng, chiếm 11,4%, tăng 10,5%. Dịch vụ 9.851 tỷ đồng, chiếm 6,5%, tăng 10,3%. Du lịch 4.649 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 16,2%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện quý I (tỷ đồng)			% so sánh quý I với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	152.656	147.884	4.772	112,1	112,2	110,8
Tr.đó: Thương nghiệp	120.787	118.733	2.054	112,4	111,9	150,7
Khách sạn	1.709	1.169	540	104,9	104,0	107,0
Nhà hàng	15.661	15.121	541	111,1	113,2	73,2
Dịch vụ du lịch lữ hành	4.649	4.385	263	116,2	119,9	76,2

Nếu loại trừ yếu tố biến động giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ quý I/2014 tăng 7,2 so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu du lịch (gồm khách sạn và dịch vụ lữ hành) quý I/2014 ước đạt 6.358 tỷ đồng, chiếm 4,2% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 12,9% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Giá tiêu dùng tháng 3 giảm 0,46% so với tháng trước, trong đó có 6/ 11 nhóm hàng giảm là: ăn và dịch vụ ăn uống (-0,84); nhà ở điện nước chất đốt (-0,99), giao thông (-0,25), bưu chính viễn thông (-0,02), giáo dục (-0,01) và văn hóa giải trí du lịch (-0,35); 4 nhóm tăng giá là đồ uống và thuốc lá (+0,17), may mặc mũ nón giày dép (+0,02), thiết bị đồ dùng gia đình (+0,22) và hàng hóa dịch vụ khác (+0,37), nhóm dược phẩm và dịch vụ y tế không có biến động.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 so tháng trước

Đơn vị tính: %

	2012	2013	2014
Chỉ số chung	100,12	99,71	99,54
Trong đó: - Hàng lương thực	98,94	98,77	99,65
- Hàng thực phẩm	98,57	99,17	98,27
- Ăn uống ngoài gia đình	100,41	100,02	100,24
- Đồ uống thuốc lá	99,75	99,65	100,17
- May mặc, mũ nón giày dép	100,25	99,92	100,02
- Nhà ở điện nước chất đốt	102,51	100,38	99,01
- Giao thông	100,65	99,66	99,75
- Văn hóa giải trí du lịch	100,34	99,63	99,65

Một số tình hình cụ thể về biến động giá của các mặt hàng trong như sau:

+ Giá lương thực giảm 0,35% so tháng trước sau hai tháng tăng nhẹ liên tục (với mức tăng lần lượt +0,33% và +0,15%).

+ Giá thực phẩm giảm 1,73% so tháng trước với các mặt hàng chính đều giảm: thịt heo giảm 2,14%; giảm cầm giảm 1,62%; thịt chế biến giảm 0,66%; trứng các loại giảm 4,27%; thủy sản tươi sống giảm 2,5%; thủy sản chế biến giảm 2,6%; trái cây các loại giảm 2,49%; các mặt hàng tăng giá có thịt bò (+0,55%), nước mắm nước chấm (+0,22%), trà cà phê (+0,16%), đáng kể nhất là sữa bơ phomat (+2,04%).

+ Ăn uống ngoài gia đình so tháng trước tăng nhẹ 0,24% và tăng 1,2% so đầu năm.

+ Nhà ở điện nước chất đốt giảm 0,99% là nhóm có mức giảm cao nhất do ảnh hưởng giá gas bình quân giảm 4,96% (giá gas thị trường giảm 31.000 đồng/bình 12kg từ ngày 1/3/2014).

+ Giao thông: giảm 0,25%, trong đó giá xe máy giảm 0,11%; vé tàu hỏa giảm 4,57%; vé ô tô khách giảm 6,24%; Riêng giá nhiên liệu tăng 0,61% do giá xăng, dầu diesel được điều chỉnh tăng 300 đồng/lít xăng và 240 đồng/lít dầu diezen từ 21/2/2014.

So với tháng 3/2013, chỉ số giá hàng hóa tiêu dùng tăng 4,19%; trong đó có 2/11 nhóm hàng giảm là dược phẩm dịch vụ y tế và bưu chính viễn thông. Giáo dục là nhóm hàng tăng cao nhất do ảnh hưởng điều chỉnh mức tăng học phí vào tháng 9/2013, giao thông là nhóm hàng có mức tăng cao tiếp theo (+3,53%) trong đó nhiên liệu tăng 5,2%. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,19%; đồ uống thuốc lá tăng 2,35%; may mặc mũ nón giày dép tăng 2,49%.

So với tháng 12/2013, chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 0,18%.

Chỉ số giá tháng 3

Đơn vị tính: %

	Tháng 3 so với tháng cùng kỳ năm trước		Tháng 3 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ số giá tiêu dùng	102,85	104,19	101,15	100,18
Trong đó: Lương thực	99,30	98,48	98,85	100,13
Thực phẩm	102,65	101,57	103,16	99,29
2. Chỉ số giá vàng	98,90	81,94	94,15	101,8
3. Chỉ số giá USD	101,65	99,93	101,39	99,73

Chỉ số giá bình quân 3 tháng đầu năm 2014 tăng 4,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2013.

VI. XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 3 ước đạt 2.253,9 triệu USD, tăng 29% so với tháng trước, giảm 13,5% so cùng kỳ.

Ước tính quý I, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 6.339,6 triệu USD, giảm 7% so cùng kỳ năm trước (-478,8 triệu USD).

Trong đó: kinh tế nhà nước chiếm 32,5%, giảm 4,5% (riêng dầu thô giảm 15,7%); kinh tế ngoài nhà nước chiếm 29,8%, giảm 19,8%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 37,7%, tăng 3,7%.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu ước đạt 4.749,8 triệu USD, giảm 3,7%. Trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 73,2% do xuất khẩu gạo tăng.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 3/2014	Quý I/2014	Tháng 3 với tháng 2	Quý I với cùng kỳ 2013
Tổng số	1.649,9	4.749,8	126,9	96,3
Kinh tế Nhà nước	142,3	473,4	110,5	173,2
Kinh tế Ngoài nhà nước	652,1	1.887,5	136,9	80,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	855,4	2.388,8	123,1	103,7

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 3 tháng đầu năm và so sánh với cùng kỳ

+ Gạo: 339,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 79,2% (lượng tăng 59,9%, giá bình quân tăng 12,1%). Thị trường chủ yếu là Philippin chiếm 67,3%, kế đến là thị trường Mỹ chiếm 11,4%, Trung Quốc chiếm 7,3%, Gabon chiếm 6,6% và một số nước khác.

+ Thủy sản: 156 triệu USD, chiếm tỷ trọng 3,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 14%;

+ May mặc 1.035,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 21,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, giảm 2,9%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 47,3%, giảm 0,9%; khu vực trong nước chiếm 52,7% giảm 4,7%. Thị trường chủ yếu là Mỹ chiếm 48%, kế đến là Nhật chiếm 17,4%, Hàn Quốc 6,4%.

+ Giày dép 488,6 triệu USD, chiếm 10,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô, tăng 12,5%. Trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 82,4%, tăng 16,7%; khu vực trong nước chiếm 17,6% giảm 3,5%.

+ Máy tính và sản phẩm điện tử 541,6 triệu USD, chiếm 11,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô (chủ yếu là khu vực có vốn nước ngoài), giảm 18,2% so cùng kỳ.

+ Dầu thô 1.589,8 triệu USD, chiếm 33,5%, giảm 15,7% (lượng giảm 12,7%, giá bình quân giảm 3,3%).

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 3 ước thực hiện 1.961,7 triệu USD, tăng 10,5% so với tháng trước và giảm 15,4 so tháng 3/2013.

Ước tính quý I, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 5.380 triệu USD, giảm 6% so với quý I/2013. Kinh tế nhà nước chiếm 8,8%, tăng 15,6%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 54,1%, giảm 11,6%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 37,1%, giảm 1,2%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 3	Quý I	Tháng 3 với tháng 2	Quý I so với cùng kỳ 2013
Tổng số	1.961,7	5.380,0	110,5	94,0
Kinh tế Nhà nước	162,2	474,0	109,0	115,6
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.035,7	2.911,1	110,9	88,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	763,9	1.994,9	110,4	98,8

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 3 tháng so sánh với cùng kỳ năm trước:

+ Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 121,6 triệu USD, chiếm 2,3% tổng kim ngạch nhập khẩu, giảm 15,5%.

+ Nhiên liệu: 158,9 triệu USD, chiếm 3%, tăng 54,9% (lượng 170,1 ngàn tấn, tăng 59,5%, giá bình quân giảm 2,9%).

+ Vải 428,3 triệu USD, chiếm 8%, giảm 2%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 155,8 triệu USD, chiếm 2,9%, giảm 2,1%.

+ Sắt thép 224,8 triệu USD, chiếm 4,2%, giảm 12,4%.

+ Tân dược 225,8 triệu USD, chiếm 4,2%, giảm 1%.

+ Chất dẻo 379 triệu USD, chiếm 7%, tăng 1%.

- + Máy vi tính, SP điện tử 686,9 triệu USD, chiếm 12,8%, giảm 15,9%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác 663,7 triệu USD, chiếm 12,3%, tăng 12,4%.

VII. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 3 ước đạt 4.529,3 tỷ đồng, giảm 1,4% so với tháng trước và tăng 13,7% so với tháng 3/2013.

Ước tính quý 1 năm 2014 đạt 14.487 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 13,2%, tăng 14,9%; ngoài nhà nước chiếm 80,9%, tăng 16,5%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,9%, tăng 16,7%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách quý I

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh quý I với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	9.794,2	4.692,8	115,2	118,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.583,3	329,3	116,3	108,5
Kinh tế ngoài nhà nước	8.115,0	3.602,0	115,0	120,0
Kinh tế có vốn nước ngoài	95,9	761,5	120,8	116,2
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	5.377,3	3.896,6	115,0	117,8
Đường sông	914,9	83,5	116,8	123,8
Đường biển	3.484,1		115,3	
Hàng không	17,9	712,7	101,2	121,8

* Vận tải hàng hóa

Doanh thu quý 1 ước đạt 9.794,2 tỷ đồng, tăng 15,2% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 54,9%, tăng 15%. Vận tải đường biển chiếm 36,6%, tăng 15,3%.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển 3 tháng đầu năm ước đạt 33.745,5 nghìn tấn, tăng 13,6% so cùng kỳ. Hàng hóa luân chuyển ước đạt 13.529,5 triệu tấn.km, tăng 12% so cùng kỳ.

* Vận tải hành khách

Doanh thu quý 1 ước đạt 4.692,8 tỷ đồng, tăng 18,5% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 83%, tăng 17,8%.

Số lượt hành khách vận chuyển 3 tháng đầu năm ước đạt 205 triệu lượt người, tăng 11,6%. Hành khách luân chuyển 4.246,5 triệu lượt người.km, tăng 11,8%.

2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 3 ước thực hiện 5.197,8 nghìn tấn, giảm 15,7% so tháng trước và giảm 2,9% so với tháng 3/2013. Quý I

đạt 16.931,9 nghìn tấn, giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 6.475,9 nghìn tấn, chiếm 38,2%, giảm 1,3%; hàng nhập khẩu 7.758,2 nghìn tấn, chiếm 45,8%, tăng 4%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 3	Quý I	Tháng 3 so tháng 2	Quý I với cùng kỳ 2013
Tổng số	5.197,8	16.931,9	106,0	99,0
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	5.044,0	16.438,7	106,3	98,1
Cảng sông	153,8	493,2	95,5	144,0
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.933,0	6.475,9	109,6	98,7
Hàng nhập khẩu	2.416,3	7.758,2	105,8	104,0
Hàng nội địa	848,6	2.697,8	99,1	87,7

VIII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 3 tháng ước thực hiện 60.498,3 tỷ đồng, đạt 26,5% dự toán, tăng 16,1% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 32.190,6 tỷ đồng, đạt 25,9% dự toán, tăng 9% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 8.000,5 tỷ đồng, đạt 29,3% dự toán, tăng 3,4% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 19.800 tỷ đồng, đạt 26,5% dự toán, tăng 41,4%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	60.498,3	26,5	116,1
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	59.991,1	26,5	117,0
I- Thu nội địa	124.200	32.190,6	25,9	109,0
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	6.510,4	27,2	100,7
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	8.109,7	27,5	111,8
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	8.686,9	25,7	113,6
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	19.800,0	26,5	141,4
III- Thu từ dầu thô	27.300	8.000,5	29,3	103,4

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 20,2% tổng thu nội địa, tăng 0,7% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 4.089,5 tỷ đồng, đạt 28,5% dự toán, tăng 0,6%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 2.420,8 tỷ đồng, đạt 25,2% dự toán, tăng 0,8%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 8.109,7 tỷ đồng, chiếm 25,2%, tăng 11,8% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 8.686,9 tỷ đồng, chiếm 27%, tăng 13,6%. Thu khác đạt 8.883,6 tỷ đồng, tăng 9,1%;

trong đó thuế thu nhập cá nhân 5.581 tỷ đồng, tăng 4%, Thu tiền sử dụng đất 725,8 tỷ đồng, tăng 1%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 3 tháng ước đạt 10.145,2 tỷ đồng, đạt 24,7% dự toán, tăng 3,5% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 3 tháng ước thực hiện 7.593,7 tỷ đồng, đạt 18,1% dự toán, tăng 8,5% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	7.593,7	18,1	108,5
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	2.520,5	22,6	121,6
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.373,0	6,9	0,2	165,8
II- Chi thường xuyên	29.500,0	5.071,0	17,2	103,0
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	437,0	10,7	113,2
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	1.627,4	19,6	106,9
Sự nghiệp y tế	3.269,7	516,7	15,8	122,6
Quản lý hành chính	4.608,4	961,9	20,9	107,3

Chi đầu tư phát triển 2.520,5 tỷ đồng, đạt 22,6% dự toán, tăng 21,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 5.071 tỷ đồng, tăng 3% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 437 tỷ đồng, tăng 13,2%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.627,4 tỷ đồng, tăng 6,9%; chi sự nghiệp y tế 516,7 tỷ đồng, tăng 22,6%; chi quản lý hành chính 961,9 tỷ đồng, tăng 7,3%; chi đảm bảo xã hội giảm 36%.

2. Tín dụng ngân hàng

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 3 đạt 1.164,5 ngàn tỷ đồng, tăng 1,9% so tháng trước (chỉ số này tháng trước: -2,4%) và tăng 15,1% so với cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,8% tổng vốn huy động, tăng 18,4% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 15,7%, tăng 4,8% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 84,3% tổng vốn huy động, tăng 17,3% so cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,4%, tăng 20,4% so với cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 3 đạt 946,3 ngàn tỷ đồng, giảm 0,3% so tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 02 (-0,4%); so với tháng 12/2013 giảm 0,7%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 11,2%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 522,0 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,2% tổng dư nợ, tăng 15,1% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 155,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 16,4% tổng dư nợ, giảm 13,7% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 790,7 ngàn tỷ đồng chiếm 83,6% tổng dư nợ, tăng 17,9% so cùng kỳ. Dư

nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 46,0%, tăng 13,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 54,0% tăng 9,3% so cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 02/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 gồm 302 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, không thay đổi so với cuối tháng 01/2014. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.035.030,47 tỷ đồng, tăng 22,9% so với cuối năm 2013. Trong tháng 02/2014 có 17 phiên giao dịch, 10 phiên tăng điểm và 07 phiên giảm điểm. Trong tháng này, VN-Index thường xuyên chinh phục được đỉnh mới kể từ đầu năm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 586,48 điểm, tăng 81,85 điểm (tương ứng tăng 16,2%) so với cuối năm trước và tăng 29,96 điểm (tương ứng tăng 5,4%) so với tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 02/2014 đạt 2.547,84 triệu chứng khoán, tăng 59,6% so với tháng 01/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 42.143,61 tỷ đồng, tăng 55,9% so tháng 01/2014. Trung bình mỗi phiên có 149,87 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 2.479,04 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên tăng 68,9% và giá trị giao dịch tăng 65,1% so với tháng 01/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 26/02 với 589,81 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 02/2014	2 tháng năm 2014	Tháng 02 so tháng 01	2 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.547,84	4.144,68	159,6	139,4
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.543,55	4.140,36	159,3	140,5
Trái phiếu	3,80	3,80	-	64,4
Chứng chỉ quỹ	0,49	0,52	1.633,3	2,5
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.474,43	3.983,70	164,0	143,2
Giao dịch thỏa thuận	73,41	160,98	83,8	84,0
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	42.143,61	69.175,59	155,9	158,5
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	41.814,45	68.846,17	154,7	160,2
Trái phiếu	324,71	324,71	-	69,1
Chứng chỉ quỹ	4,45	4,71	1.711,5	2,5
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	38.678,01	62.879,30	159,8	165,3
Giao dịch thỏa thuận	3.465,60	6.296,29	122,4	112,2

Cập nhật đến ngày 14/03/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 304 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.050.801,2

tỷ đồng, tăng 24,7% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 14/03 đạt 596,83 điểm, tăng 18,3% so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 92,20 điểm).

IX. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hóa thông tin

* **Về hoạt động lễ hội:** Trong quý 1 Thành phố đã tổ chức nhiều hoạt động, lễ hội song song với các ngày kỷ niệm lớn: Lễ hội đón chào năm mới 2014, Lễ hội Tết Nguyên đán Giáp Ngọ, kỷ niệm 84 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm 46 năm Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, Lễ đón Bằng của UNESCO ghi danh Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại, Ngày hội Bánh tết, lễ dâng cúng bánh tết Quốc Tổ Hùng Vương... với nhiều nội dung mới, phong phú và đa dạng. Nhiều chương trình, sự kiện được tổ chức với qui mô lớn như: Chương trình sân khấu hóa kỷ niệm 225 năm chiến thắng Đống Đa lịch sử, chương trình trang trí ánh sáng đường phố, đường hoa Nguyễn Huệ, Hội hoa xuân... thu hút đông đảo công chúng thành phố, trong cũng như ngoài nước đến thưởng lãm.

* **Hoạt động văn hóa, nghệ thuật:** Các đơn vị nghệ thuật đã tổ chức nhiều chương trình biểu diễn, tăng cường về số lượng và đầu tư, nâng cao chất lượng các tiết mục, vở diễn nên thu hút khá đông lượng khán giả, phần nào đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của người dân thành phố. Từ đầu năm đến nay, ước thực hiện hơn 367 suất diễn với hơn 450 ngàn lượt người xem (Trung tâm Tổ chức Biểu diễn và Điện ảnh: 141 suất với 112,1 ngàn lượt người xem; Trung tâm Ca nhạc nhẹ: 31 suất với 27,8 ngàn lượt người xem; Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Bông Sen: 21 suất với 15,4 ngàn lượt người xem; Nhà hát Kịch Thành phố: 14 suất với 2,1 ngàn lượt người xem; Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang: 33 suất với 23,7 ngàn lượt người xem; Nhà hát Nghệ thuật Hát Bội: 52 suất với 25,2 ngàn lượt người xem; Nhà hát Phương Nam: 24 suất với 16,5 lượt người xem...). Trong đó, có tổ chức 140 suất biểu diễn phục vụ ngoại thành, vùng sâu vùng xa, trường trại thu hút hơn 70 ngàn lượt người xem (26 suất phục vụ trường trại với 13 ngàn lượt người xem và 114 suất phục vụ ngoại thành, vùng sâu, vùng xa với 57 ngàn lượt người xem).

2. Thể dục thể thao

- **Phong trào thể thao quần chúng:** Từ đầu năm đến nay đã có hơn 200 giải phong trào được tổ chức thu hút nhiều đối tượng tham gia, đáp ứng nhu cầu tham gia tập luyện và thi đấu thể thao của người dân Thành phố. Bên cạnh đó, nhiều hoạt động thể thao xã hội hóa cũng được ngành Thể dục - Thể thao thăm tra hồ sơ cho phép các doanh nghiệp hoạt động và tổ chức các giải thể thao như: Giải Thể thao Sinh viên Việt Nam, cuộc đua xích lô từ thiện năm 2014 “SAIGONCYCLO CHALLENGE 2014”, chương trình chạy bộ năm 2014 “RMIT VIETNAM FUN RUN 2014”, giải Marathon “Cuộc đua mùa xuân” năm 2014. Đồng thời xây dựng

Kế hoạch tổ chức cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012-2020.

- **Thể thao thành tích cao:** Từ đầu năm đến nay, ngành Thể dục - Thể thao thành phố đã cử 69 lượt HLV, 487 lượt VĐV, 05 lượt trọng tài thuộc 14 môn tham dự giải toàn quốc, đạt 59 HCV, 33 HCB, 31 HCD (so với cùng kỳ năm 2013 cử 44 lượt HLV, 275 lượt VĐV thuộc 10 môn tham dự giải toàn quốc đạt 15 HCV, 17 HCB, 08 HCD). Về thi đấu quốc tế: cử 08 lượt HLV, 31 lượt VĐV, 03 chuyên gia thuộc 05 môn thể thao tham dự 09 giải quốc tế gồm: 02 giải Thế giới, 02 giải Châu Á, 05 giải giải mở rộng, đạt 05 HCV, 07 HCB, 02 HCD.

Thực hiện quyết định triệu tập tập huấn Quốc gia, Thành phố đã cử 11 lượt HLV, 37 lượt VĐV thuộc 11 môn thể thao tham dự tuyển quốc gia để tập luyện. Cử 8 lượt HLV, 38 lượt VĐV thuộc 9 môn thể thao tham dự tuyển trẻ quốc gia.

- **Về hệ thống tổ chức giải:** Tổ chức 11 giải cấp Thành phố (03 giải vô địch, 03 giải năng khiếu, 02 giải phong trào, 02 giải hạng A, 01 giải mở rộng). Đăng cai tổ chức 08 giải: trong đó 05 giải toàn quốc (03 giải vô địch, hạng I và Cúp QG) và 03 giải quốc tế (01 giải châu Á, 02 giải quốc tế).

3. Y tế

- **Tình hình dịch bệnh:** (từ này 01/01/2014 đến 11/03/2014)

Nhìn chung tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trong 02 tháng qua tương đối ổn định, không xảy ra ổ dịch (chùm ca bệnh), các ca bệnh truyền nhiễm (sốt xuất huyết, tay chân miệng, não mô cầu,...) gây ra do thực phẩm chỉ xuất hiện ca lẻ tẻ tại các quận huyện. Thành phố vẫn tiếp tục giám sát, điều tra, phát hiện các ca bệnh Sởi mới và cùng với các TTYTDP quận-huyện thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch cần thiết nhằm hạn chế sự lây lan và không để bùng phát dịch lớn. Đồng thời hỗ trợ các quận huyện trong công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt trong các ngày Tết Nguyên đán, kiểm soát và không để dịch bệnh xảy ra trong các trường mầm non, nhóm trẻ gia đình và các ca bệnh ở cộng đồng nhất là ở các khu nhà trọ.

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Tổng số ca phát hiện 2 tháng đầu năm là 1.872 ca, tăng 8,4% so với cùng kỳ 2013, đã có 01 ca tử vong (giảm 01 ca so cùng kỳ).

+ **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh trong 2 tháng đầu năm là 1.356 ca, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước. Không có trường hợp tử vong.

- **An toàn vệ sinh - thực phẩm:** Trong quý 1, Ngành Y tế thành phố đã tiến hành thanh tra chuyên ngành 39 cơ sở, phát hiện 14 cơ sở vi phạm. Thanh tra liên ngành 30 cơ sở, phát hiện 15 cơ sở vi phạm. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 28 cơ sở. Tổng số tiền phạt: 249,7 triệu đồng.

- **Công tác khám chữa bệnh và điều trị:** Ước tổng số lượt người khám chữa bệnh trong quý I là 7,5 triệu lượt, tăng 12,8 % so với cùng kỳ. Số bệnh nhân điều trị nội trú là

340 ngàn lượt, tăng 9,6% so cùng kỳ; bệnh nhân điều trị ngoại trú là 1,5 triệu lượt, tăng 13,2%.

4. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/11/2013 đến 15/02/2014)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý là 298 vụ, thu giữ hàng hóa trị giá trên 70,8 tỷ đồng.

Phát hiện 165 vụ vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải. Xử phạt hành chính 58 vụ, nộp kho bạc trên 2,2 tỷ đồng.

* **Vi phạm hình sự:** Đã xảy ra 1.456 vụ, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 22 người, bị thương 111 người. Đã được điều tra khám phá 955 vụ, bắt 1.186 đối tượng.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Phát hiện 418 vụ vi phạm về ma túy, trong đó: mua bán tàng trữ là 349 vụ bắt 643 tên; sử dụng trái phép các chất ma túy là 69 vụ bắt 180 tên.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 21 vụ tổ chức mua bán dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn, hót tóc thanh nữ, massage, karaoke để hoạt động, bắt 106 người.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Lập hồ sơ xử lý 248 vụ tổ chức cờ bạc, bắt 1.011 người tham gia, thu giữ trên 1,2 tỷ đồng và một số tài sản khác.

- Trật tự an toàn giao thông:

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 213 vụ, giảm 12,7% (-31 vụ) so với cùng kỳ năm trước, làm chết 196 người, giảm 12,8%, bị thương 100 người, giảm 12%.

+ **Tai nạn giao thông đường sắt:** Xảy ra 01 vụ, làm chết 01 người.

- **Tai nạn cháy, nổ:** Đã xảy ra 101 vụ cháy, làm chết 2 người, bị thương 8 người. Thiệt hại về tài sản trị giá trên 538 triệu đồng (trong đó có 23 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu do sự cố và vi phạm quy định trong sử dụng điện.

Đã xảy ra 01 vụ nổ, làm chết 04 người, bị thương 01 người, chưa ước tính được thiệt hại thành tiền.

5. Giải quyết việc làm

Trong quý 1/2014, thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho 69,9 ngàn người, đạt 26,4% kế hoạch, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: số lao động có việc làm ổn định là 43,7 ngàn người, chiếm 62,6% so với số lao động được giải quyết

việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 29 ngàn chỗ làm, đạt 24,2% kế hoạch, tăng 0,4% so cùng kỳ năm trước.

6. Bảo hiểm thất nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 07/3, trên địa bàn thành phố đã có 15 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp. Số người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp là 13,4 ngàn người, giảm 36,3% so cùng kỳ năm trước. Số người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 13,9 ngàn người (gồm những trường hợp chưa ra quyết định của năm 2013 chuyển sang), giảm 14,4% so cùng kỳ. Số tiền chi trả trợ cấp thất nghiệp là 161,9 tỷ đồng. Tư vấn và giới thiệu việc làm cho khoảng 12 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 610 người.



CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733